

Số: 07/2025/QĐ-UBND

An Giang, ngày 11 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc
hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông
thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn
mới giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 -
2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 305/TTr-SNNPTNT ngày 12 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xã đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh An Giang giai đoạn
2021 - 2025 là xã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

1. Đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; đối với các
xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2021,
phải tập trung rà soát, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu
cầu Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025.

2. Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã
nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình
quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng
thời điểm.

3. Có ít nhất một mô hình áp thông minh.

4. Đạt ít nhất 01 trong 08 lĩnh vực xã nông thôn mới kiểu mẫu (tổ chức sản
xuất, về giáo dục và đào tạo, về văn hóa, về du lịch, về y tế, về môi trường, về an
ninh trật tự, về chuyển đổi số) ban hành kèm theo Quyết định này (đính kèm phụ
lục).

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025 là căn cứ để đánh giá thực trạng và mức độ đạt các tiêu chí đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh An Giang, căn cứ để thẩm định, xét công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Đối tượng áp dụng: các Sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Phân công Sở, ngành phụ trách nội dung, lĩnh vực xã nông thôn mới kiểu mẫu

a) Cục Thống kê tỉnh chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện, đánh giá nội dung thu nhập tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, đánh giá kết quả thực hiện lĩnh vực về Tổ chức sản xuất.

c) Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, đánh giá kết quả thực hiện lĩnh vực về Giáo dục và Đào tạo.

d) Sở Y tế chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh triển khai, hướng dẫn, đánh giá kết quả thực hiện lĩnh vực về Y tế.

đ) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, đánh giá kết quả thực hiện lĩnh vực về Văn hóa và lĩnh vực về Du lịch.

e) Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, đánh giá kết quả thực hiện lĩnh vực về Môi trường.

g) Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, đánh giá kết quả thực hiện nội dung tại khoản 3 Điều 1 Quyết định này và lĩnh vực Chuyển đổi số.

h) Công an tỉnh chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, đánh giá kết quả thực hiện lĩnh vực về An ninh trật tự.

2. Các Sở, ngành căn cứ vào hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương có văn bản hướng dẫn quy định tiêu chuẩn đánh giá, hồ sơ minh chứng đối với các nội dung, lĩnh vực ngành phụ trách. Thẩm định, đánh giá, các tiêu chí, chỉ tiêu ngành được giao phụ trách. Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh (*thông qua Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh*).

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh) chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành tỉnh hướng dẫn huyện, thị xã, thành phố trong công tác đánh giá hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định. Tổ chức kiểm tra, đánh giá tình

hình triển khai và kết quả thực hiện xã nông thôn mới kiểu mẫu đối với các xã trên địa bàn tỉnh.

4. Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: căn cứ Quy định “Xã nông thôn mới kiểu mẫu” tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025 chủ động rà soát đánh giá mức độ đạt được đối với các xã trên địa bàn. Xây dựng chương trình, kế hoạch, lộ trình thực hiện đối với các xã trên địa bàn. Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh (*thông qua Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh*).

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 02 năm 2025.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo TW các CT.MTQG;
- Bộ NN&PTNT, VP ĐP NTM TW;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Ban Dân vận TU, Ban Tuyên giáo TU;
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Thành viên BCĐ các CT.MTQG tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- VP Đoàn Đại biểu QH- HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- VPĐP nông thôn mới tỉnh;
- Cty CP Điện lực AG, Cty CP Điện nước AG;
- Báo AG, Đài PTTH AG, TTXAG;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng: KTN, KGVX, KTTH, TH, NC, HCTC;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Công Thức

Phụ lục
QUY ĐỊNH LĨNH VỰC XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
TỈNH GIANG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

TT	Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Yêu cầu	Đơn vị phụ trách
1	Tổ chức sản xuất	1.1 Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, kinh doanh hiệu quả và thích ứng với biến đổi khí hậu	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		1.2 Có Hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo Luật Hợp tác xã và thực hiện liên kết sản xuất, kinh doanh có hiệu quả	≥ 1	
		1.3 Các khâu chủ yếu trong sản xuất nông nghiệp được cơ giới hóa	Đạt	
		1.4 Đảm bảo liên kết sản xuất bền vững sản phẩm chủ lực theo chu kỳ liên tiếp.	Đạt	
		1.5 Có sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên	≥ 2	
		1.6 Có mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với ứng dụng công nghệ cao đạt hiệu quả và có thể nhân rộng	≥ 1	
2	Giáo dục và Đào tạo	2.1 Các trường mầm non, tiểu học, trung học đạt chuẩn quốc gia	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
		2.2 Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo	$\geq 90\%$	
		2.3 Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1	100%	
		2.4 Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học (các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học)	$\geq 95\%$	
		2.5 Tỷ lệ thanh thiếu niên từ 15 đến 18 tuổi đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp	$\geq 95\%$	
3	Y tế	3.1 Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế	100%	Bảo hiểm xã hội tỉnh

TT	Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Yêu cầu	Đơn vị phụ trách
		3.2 Người dân trên địa bàn xã được quản lý, theo dõi sức khỏe	Đạt	Sở Y tế
		3.3 Trạm y tế xã đủ điều kiện khám và chữa bệnh Bảo hiểm y tế	Đạt	
		3.4 Đảm bảo các quy định về phòng, chống dịch; không để xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm	Đạt	
4	Văn Hoá	4.1 Các ấp trên địa bàn xã có tối thiểu 03 năm liên tiếp đạt danh hiệu “Ấp văn hóa” tính đến thời điểm đề nghị công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu	100%	Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch
		4.2 Có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu, thu hút từ 60% trở lên số người dân thường trú trên địa bàn tham gia	Đạt	
		4.3 Mỗi ấp có ít nhất 01 đội hoặc 01 câu lạc bộ văn hóa - văn nghệ hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	
		4.4 Các hoạt động tín ngưỡng, tâm linh truyền thống trên địa bàn xã được duy trì và bảo tồn đảm bảo giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc anh em	Đạt	
5	Du lịch	5.1 Có ít nhất 01 điểm du lịch hoặc khu du lịch được công nhận theo quy định của Luật Du lịch	Đạt	Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch
		5.2 Cộng đồng dân cư, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động du lịch trên địa bàn thực hiện tốt ứng xử văn minh với khách du lịch	Đạt	
		5.3 Hoạt động quảng bá hình ảnh du lịch được triển khai thường xuyên có hiệu quả	Đạt	
6	Môi trường	6.1 Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom và xử lý theo đúng quy định	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Yêu cầu	Đơn vị phụ trách	
		6.2 Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	$\geq 50\%$		
		6.3 Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 70\%$		
		6.4 Có mô hình bảo vệ môi trường hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng	Đạt		
			6.5 Cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường
			6.6 Có từ 60% trở lên số tuyến đường xã, ấp có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa cây cảnh toàn tuyến	Đạt	
			6.7 Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 80\%$	
7	Chuyển đổi số	7.1 Có dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông	
		7.2 Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình	$\geq 70\%$		
		7.3 Có mô hình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong 03 trụ cột về Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số.	Đạt		
		7.4 Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động hiệu quả, góp phần chuyển biến đời sống nông thôn.	Đạt		
8	An ninh trật tự	8.1 Có mô hình bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn xã hoạt động có hiệu quả thu hút sự tham gia và hưởng ứng của người dân	Đạt	Công an tỉnh	
		8.2 Trong 03 năm liên tục trước năm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu, trên địa bàn xã không để xảy ra các hoạt động: chống Đảng, chống chính quyền; tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật; phá hoại các công trình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng; mâu thuẫn tranh chấp phức tạp, kéo dài trong nội bộ nhân dân; khiếu kiện đông người trái pháp luật.	Đạt		

TT	Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Yêu cầu	Đơn vị phụ trách
		8.3 Trong 03 năm liên tục trước năm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu, trên địa bàn xã không có công dân thường trú phạm tội từ nghiêm trọng trở lên; không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm; không để xảy ra cháy, nổ, tai nạn giao thông và tai nạn lao động nghiêm trọng do công dân của xã gây ra tại cộng đồng.	Đạt	
		8.4 Trong 03 năm liên tục trước năm xét công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu: xã đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự"; đạt phân loại xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc và có 01 năm được Bộ Công an hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; Công an xã đạt danh hiệu "Đơn vị tiên tiến" trở lên, không có cá nhân bị kỷ luật.	Đạt	